

TÌNH HÌNH LŨ LỤT Ở ĐÀNG NGOÀI THẾ KỶ XVII - XVIII

MAI THỊ HUYỀN*

1. Đặt vấn đề

Nét đặc thù của xã hội Việt Nam trong hai thế kỷ XVII-XVIII đó là sự tồn tại của cục diện chính trị vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Từ năm 1627 đến năm 1672, người dân Đàng Ngoài luôn phải chịu tác động mạnh từ những cuộc chiến tranh giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài, những năm cuối thế kỷ XVIII lại thêm ảnh hưởng bởi cuộc chiến giữa chúa Trịnh với nhà Tây Sơn. Bên cạnh đó, người dân Đàng Ngoài còn phải chịu hậu quả từ thiên tai, nạn chiêm tính ruộng đất của địa chủ, cường hào và ách nặng thuế khóa. Đây là những nguyên nhân dẫn đến nạn phiêu tán của dân cư ở Đàng Ngoài và phong trào đấu tranh của nông dân.

Một trong những yếu tố có tác động mạnh đến Đàng Ngoài trong hai thế kỷ XVII- XVIII đó là sự xuất hiện của thiên tai. Những hiện tượng hạn hán, lụt lội, sâu bệnh, nhật thực, mưa đá,... không phải đến thời Lê-Trịnh mới có, mà ngay cả trước thế kỷ XVII đã từng xảy ra, nhưng đến thời kỳ này, các hiện tượng kể trên có xu hướng xảy ra nghiêm trọng hơn. Lũ lụt là thiên tai để lại hậu quả nặng nề nhất đối với Đàng Ngoài.

2. Tình hình lũ lụt và tác động của nó đến Đàng Ngoài thế kỷ XVII - XVIII

Từ các bộ sử *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (gọi tắt là *Cương mục*), *Đại Việt sử ký tục biên* (*ĐVSKTB*), *Lịch triều tạp kỷ* (*LTTK*), có thể thấy rõ diễn biến, mức độ của các trận lụt trong hai thế kỷ XVII - XVIII.

Dưới triều vua Lê Kính Tông (1599-1619), Trịnh Tùng (1570-1623), đã xảy ra 3 lần thủy tai lớn và gió bão vào các năm: 1600, 1612, 1617. Dưới thời Lê Thần Tông (1619-1643), Trịnh Tráng (1623-1657) xảy ra 4 lần mưa lụt: 1622, 1630 (2 lần), 1631. Vào thời Lê Hy Tông (1675-1705), Trịnh Tạc (1657 - 1682), xuất hiện 5 lần mưa to, thủy tai: 1679, 1680, 1690, 1695, 1702. Thời Lê Dụ Tông (1706 - 1729), chúa Trịnh Cương (1709 - 1729) xảy ra 4 lần mưa, bão: 1711, 1713, 1728, 1729. Thời vua Lê Duy Phường (1729-1732), chúa Trịnh Giang (1729-1740) xảy ra 1 lần lụt vào năm 1730. Thời vua Lê Hiến Tông (1740-1786), chúa Trịnh Doanh (1740-1767), Trịnh Sâm (1767-1782), xảy ra 15 lần lụt: 1748, 1749, 1753, 1754, 1756, 1757, 1760, 1766, 1767, 1769, 1772, 1773, 1776, 1777 và 1781 (*xem bảng 1*).

Bảng 1: Tình hình lũ lụt ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII

| TT | Thời gian | Số lượng/năm | Nguồn tư liệu |
|------------------|---|--|--|
| 1 | Lê Kính Tông (1599-1619) Trịnh Tùng (1570-1623) | 3 lần: 1600, 1612, 1617 | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.226, 235, 237. |
| 2 | Lê Thần Tông (1619-1643) Trịnh Tráng (1623-1657) | 4 lần: 1622, 1630 (2 lần), 1631 | <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.241. <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.248, 250. |
| 3 | Lê Chân Tông (1643- 1649) Trịnh Tráng (1623-1657) | 2 lần: 1657, 1663 | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.273, 297. |
| 4 | Lê Huyền Tông (1663-1671) Trịnh Tạc (1657-1682) | 1 lần: 1666 | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.317. |
| 5 | Lê Hy Tông (1675- 1705) Trịnh Căn (1682-1709) | 6 lần: 1679, 1680, 1684, 1690, 1695, 1702 | <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.20, 42. <i>LTTK</i> (1995), sdd, tr. 76. <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.354, 364, 386. |
| 6 | Lê Dụ Tông (1706- 1729) Trịnh Cương (1709-1729) | 4 lần: 1711, 1713, 1728, 1729 | <i>Cương mục</i> (1998), tập, sdd, tr.403, 471. <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.67, 111. <i>LTTK</i> (1995), sdd, tr. 189, 418. |
| 7 | Lê Duy Phường (1729-1732) Trịnh Giang (1729- 1740) | 1 lần: 1730 | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.475. |
| 8 | Lê Hiến Tông (1740-1786) Trịnh Doanh (1740-1767) | 8 lần: 1748, 1749, 1753, 1754, 1756, 1757, 1760, 1766. | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.595, 598, 622, 626, 632, 636, 661. <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.216, 242, 257, 264. |
| 9 | Lê Hiến Tông (1740-1786) Trịnh Sâm (1767-1782) | 7 lần: 1767, 1769, 1772, 1773, 1776, 1777, 1781. | <i>ĐVSKTB</i> (2011), sSdd, tr.308, 310, 331, 438, 440, 452. |
| Tổng cộng | | 34 | |

Nguồn: *Cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, 1998; *Đại Việt sử ký tục biên*, Nxb. Văn hóa- Thông tin, 2011, *Lịch triều tạp kỷ*, Ngô Cao Lãng, Nxb. Khoa học xã hội, 1995.

Theo ghi chép trong các bộ sử kể trên thì nạn lụt lội thường xảy ra vào các tháng mùa hè như tháng 5, 6 và 7, có khi vào tháng 8, tháng 9 trong một năm. Một vài trường hợp cụ thể là: “Năm 1600; tháng 5 có thủy tai lớn; 1612, có thủy tai lớn; 1617: tháng 7, mưa to, gió lớn; 1622: tháng 8, mưa to; 1631: tháng 9, mưa to; 1713: tháng 7, mưa dầm’ và có trường hợp ngoại lệ vào năm 1749, lụt lại xảy ra vào tháng 3: “tháng 3, có thủy tai lớn. Nước tràn ngập, đê bị vỡ” (1). Như vậy, dù lụt lội không xảy ra theo chu kỳ từng năm một, nhưng rõ ràng, lụt lội thường xuất hiện vào các tháng của mùa hè, thời điểm có nhiều mưa, bão trong năm.

Trong số các lần lụt dưới thời Lê - Trịnh ở thế kỷ XVII, đáng kể nhất là trận lụt năm 1617 đã gây thiệt hại cho người dân

gần biển: “Tháng 7, mưa to, gió lớn, gió bão nổi lên quá mạnh, nước mặn tràn ngập, dân ở gần biển, phần nhiều bị hại” (2). Năm 1630, dưới thời chúa Trịnh Tráng, 2 lần mưa dầm và thủy tai vào tháng 5 và tháng 6 đã gây ngập lụt, vỡ đê khiến “lúa má bị ngập, nhiều người chết đói” (3). Trận lụt năm 1631 làm nước sông Nhị ngập (4). Ngoài khu vực Kinh thành, các nơi như Thanh Hoa, Nghệ An cũng bị tác động bởi lụt. Ba trận lụt nặng vào năm 1679, 1695, 1702 đã tàn phá đê, gây ra nạn đói và xiêu tán ở Thanh Hoa (5).

Sang thế kỷ XVIII, lụt lội xảy ra ngày càng nghiêm trọng hơn. Điển hình là hai trận lụt xảy ra vào năm 1711 và 1713 đã làm vỡ đê, dẫn đến nạn đói ở Sơn Nam (6). Cũng trong năm 1713, các vùng Thanh

Hoa và xứ Tây Nam bị mưa dầm lâu ngày khiến nước sông ngập, đê vỡ (7). Trận lụt năm 1728 đã gây ra đói lớn ở Nghệ An (8) và thủy tai lớn năm 1773 đã tàn phá vùng Thanh Trì: “Tháng 7, thủy tai lớn, vỡ đê Đông Trạch (Hà Nội). Thóc lúa bị ngập lụt” (9). Nạn lụt tiếp tục gây thiệt hại nặng ở Hải Dương và Thanh Hoa vào năm 1777: “Hải Dương nước biển tràn vào, ngập mất lúa ruộng. Thanh Hoa bão, hại lúa” (10).

Theo thống kê ở bảng 1, trong hai thế kỷ XVII- XVIII, mưa lụt đã xảy ra 34 lần. Thời gian xảy ra lũ lụt nhiều nhất là những năm đầu, giữa thế kỷ XVII và cuối thế kỷ XVIII. Vào thời gian trị vì của vua Lê Hy Tông/chúa Trịnh Căn, lụt xảy ra 6 lần, đặc biệt nặng là thời kỳ trị vì của vua Lê Hiến Tông, có đến 15 lần lụt, trong đó 8 lần vào thời chúa Trịnh Doanh và 7 lần vào thời chúa Trịnh Sâm. Sử không chép về nguyên nhân dẫn đến nạn lụt trong hai thế kỷ XVII-XVIII, nhưng cho biết vào những năm giữa thế kỷ XVIII, các chúa Trịnh Giang và Trịnh Sâm tỏ ra lơ là trong việc quản lý đê điều, có thể đây là lý do khiến nạn lụt trong thời kỳ này xảy ra trên diện rộng. Trong hai thế kỷ này, Việt Nam thuộc thời kỳ tiểu băng hà, khí hậu có sự tác động mạnh của nạn El Nino, xuất hiện mùa đông rét và mưa nhiều nên là một nguyên nhân dẫn đến lụt lội (11).

Trên thực tế, nạn lụt đã gây ra hậu quả khá nghiêm trọng đối với Đàng Ngoài. Vào những năm xảy ra lũ lụt, đê sông và đê biển ở các vùng đồng bằng châu thổ Bắc Bộ và Thanh, Nghệ thường hay bị vỡ, thiệt hại đến mùa màng và dẫn đến nạn đói.

Vỡ đê và nạn đói

Theo số liệu ghi chép của các bộ sử *Cương mục*, *LTTK*, *ĐVSKTB*, trong số 34 lần lụt thời Lê-Trịnh thì đã có 13 lần vỡ đê

vào các năm: 1630, 1666, 1679, 1690, 1702, 1711, 1713, 1730, 1749, 1754, 1766, 1769, 1773. Những đê bị nước lụt phá hoại nhiều nhất phải kể đến là Thanh Hoa, Thanh Trì, Hưng Yên, Sơn Nam. Trong số đó, đê Thanh Hoa bị vỡ 5 lần vào các năm: 1666, 1679, 1702, 1713, 1769. Mức độ đê điều bị phá vỡ được sử chép lại là: “Năm 1679, xứ Thanh Hoa nước dâng to, đê vỡ” (13), năm 1702: “Nước sông lên cao, đê Thanh Hoa bị vỡ” (14). Ngoài ra, năm 1730, đê Mạn Trù (Hưng Yên) vỡ và đê Đông Trạch (Thanh Trì) bị vỡ do trận lụt năm 1773 (15). Trong các lần vỡ đê này, nghiêm trọng nhất là năm 1711, do mưa dầm lâu ngày đã khiến “nước các sông tràn ngập, vỡ đê các trấn Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hoa, mấy vạn nhà bị nước cuốn đi mất, nhân dân bị đói” (16).

Ngoài các nguyên nhân như hạn hán, sâu bọ, mưa đá, dịch bệnh, thì lũ lụt là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến mất mùa và nạn đói. Sử chép có 7 lần đói kém (trong tổng số 18 lần) vào các năm: 1630, 1679, 1695, 1702, 1713, 1728, 1753 (17). Đáng chú ý là nạn đói (do lụt lội) xảy ra nhiều nhất ở Thanh Hoa (4 lần/7 lần): năm 1679, Thanh Hoa bị nạn đói, dân phần nhiều phiêu tán; năm 1695, 1702, 1713, xảy ra mưa dầm, thủy tai, vỡ đê đều khiến xảy ra nạn đói ở vùng này (18). Ngoài Thanh Hoa, các nơi như Sơn Nam, Sơn Tây cũng bị ảnh hưởng nặng bởi lụt và xảy ra đói kém: “Tháng 7, nước lớn, vỡ đê. Lúc ấy mưa dầm không ngớt, nước các sông tràn ngập, vỡ đê các trấn Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hoa, mấy vạn nhà bị nước cuốn đi mất, nhân dân bị đói” (19).

Nạn trộm cướp, phiêu tán và phong trào nông dân khởi nghĩa

Nạn trộm cướp ở địa phương được sử chép xuất hiện dưới thời Lê-Trịnh vào năm

1737 ở Sơn Tây và Thái Nguyên (20). Trước tình hình giặc cướp xảy ra nhiều, năm 1741, chúa Trịnh Doanh đã phải ra lệnh “xem xét nơi hiểm trở đặt đồn lũy canh phòng, để ngăn ngừa trộm cướp” (21) [...] “dân chúng có người nào biết tập hợp nhau, đốc suất nhau hết sức đánh giặc theo với chính nghĩa, thì các quan kê tên người ấy tâu bày” (22). Không chỉ ở các địa phương này mà vùng Kinh Bắc “cũng có giặc cướp nổi lên, chúa Trịnh đã sai quân đi đánh dẹp được” (23). Vào năm 1776, người đói tụ họp đi ăn cướp, ăn trộm, dân không được yên (24).

Bước sang thế kỷ XVII, hiện tượng xiêu tán của các làng xã Đàng Ngoài đã xuất hiện. Nếu như năm 1666, sử chỉ chép ngắn gọn là “nhân dân phần nhiều phiêu tán” (25), thì đến năm 1679, vỡ đê nên đã khiến dân “nhiều người ly tán, xiêu giạt” (26). Tình trạng mất mùa, đói kém đã đẩy người nông dân ra khỏi làng xã của họ, do vậy ảnh hưởng đến nguồn thu thuế của nhà nước. Chính sách thuế thời Lê - Trịnh khá phiền nhiễu và phức tạp, nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của cung vua, phủ chúa và phục vụ bộ máy chính quyền. Các loại thuế ở Đàng Ngoài bao gồm: thuế tô, dung, điệu và các loại thuế phụ thu khác. Xiêu tán sang các làng khác, người nông dân có cơ hội để trốn tránh trách nhiệm nộp thuế cho chính quyền. Dù năm 1725, chúa Trịnh đã phải thực hiện giảm thuế cho những làng có dân phiêu tán nhằm chiêu tập họ trở về: “Phàm dân xã nào tan tác, xiêu giạt, đồng điền bỏ hoang, tiền thuế tô, dung, điệu đọng thiếu chồng chất nhiều kỳ, thì nên tha hẳn những số còn thiếu đã lâu...” (27), nhưng tình trạng phiêu tán vẫn tiếp diễn. Sơn Nam là địa phương xảy ra nạn phiêu tán nghiêm trọng, năm 1730 và 1735, triều đình đã “sai Nguyễn Hiệu đến khám dân

lưu tán, cho khám điểm số dân đình từng nhà, tùy theo số dân nhiều hay ít, giảm bớt số hộ khẩu” (28).

Nạn đói, trộm cướp, phiêu tán ở làng xã Đàng Ngoài là một trong những nguyên nhân làm bùng nổ phong trào khởi nghĩa nông dân vào cuối thế kỷ XVII. Trong số 14 cuộc khởi nghĩa nông dân thế kỷ XVII-XVIII (29), thì có 4 cuộc khởi nghĩa có liên quan đến nạn đói: khởi nghĩa của Nhà sư Nguyễn Dương Hưng (1736-1737), Vũ Đình Dung (1740), Nguyễn Hữu Cầu ở Sơn Nam, khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển - Nguyễn Cừ (1739-1741) ở Hải Dương.

Khi tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến khởi nghĩa của Vũ Đình Dung ở Sơn Nam, chúng tôi nhận thấy đây là vùng bị ảnh hưởng nặng nề bởi nạn lụt. Do cấu tạo địa hình là vùng chiêm trũng, người dân chỉ cấy lúa một vụ mỗi năm nhưng hiếm khi được mùa, lại thêm mưa bão nhiều lần đã khiến Sơn Nam bị ngập lụt. Hơn nữa, đây cũng là vùng xảy ra nạn xiêu tán nặng hơn các nơi khác ở đồng bằng Bắc Bộ (30). Xảy ra đồng thời với khởi nghĩa của Vũ Đình Dung còn có các cuộc khởi nghĩa của Vũ Trác Oánh, Lê Duy Mật, Toàn Cơ, Tế, Bồng và Nguyễn Tuyển - Nguyễn Cừ. Nguyễn Tuyển khởi binh năm 1739 ở Hải Dương, thắng lớn ở Kinh Bắc, tấn công Ninh Xá (Hải Dương), uy hiếp Thăng Long đã nhiều phen làm cho chính quyền Lê - Trịnh lao đao. Đáng chú ý là không chỉ thu hút đông đảo nông dân tham gia, mà cuộc khởi nghĩa này đã có sự góp mặt của tầng lớp nhân sĩ, những người bất mãn với chính quyền Lê - Trịnh. *Cương mục* chép rằng: “Quân ở vùng đông nam nổi dậy, đốt phá cướp bóc châu huyện, Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ ở Ninh Xá thế lực đương hăng, mà bọn giặc Ngân Già Vũ Đình Dung lại

càng tinh quái hung tợn [...], gặp quan quân chúng liền vác dao xông vào chém bừa bãi, các tướng nhiều lần bị thua” (31). Chúa Trịnh Doanh đã phải chiêu tập thêm nhiều binh sĩ mới có thể đánh dẹp được 2 cuộc khởi nghĩa này. Những cuộc khởi nghĩa đã góp phần làm suy yếu xã hội Đàng Ngoài và làm lung lay chính quyền Lê - Trịnh ở nửa sau thế kỷ XVIII.

Thực trạng của nạn lụt thế kỷ XVII-XVIII và những tác động của nó đến đời sống xã hội Đàng Ngoài đã yêu cầu chính quyền Lê - Trịnh phải có những biện pháp ứng phó, khắc phục cụ thể nhằm an dân, ổn định xã hội và củng cố sự tồn tại của chính quyền.

3. Biện pháp khắc phục của chính quyền Lê Trịnh

Sử chép vào những năm xuất hiện lụt lội, việc làm đầu tiên của chính quyền Lê-Trịnh là hạ lệnh chẩn cấp cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại, tiếp đó là ân xá, giảm tô thuế, ngoài ra, chính quyền còn thực hiện những nghi lễ cầu đảo, cúng tế và cho tu sửa đê điều, đào sông nhằm hạn chế tác hại của lũ lụt.

Chẩn cấp cho dân

Việc chẩn cấp cho nhân dân các vùng bị lũ lụt được chính quyền thực hiện ở Thanh Nghệ, kinh kỳ, tứ trấn và các vùng khác, vào các năm 1679, 1695, 1702, 1713, 1726, 1728, 1729, 1741, 1742, 1754, 1759 và 1767, triều đình đều hạ lệnh phát chẩn cho dân đói (do ảnh hưởng của lụt lội). Năm 1728, nhà nước đã bỏ ra sáu vạn quan tiền trong kho nội phủ, sai các quan trong tam ti chia nhau đi phát chẩn cho dân Thanh Hoa” (32) và năm 1729, chẩn cấp cho dân bị thủy tai ở Gia Lâm (33). Năm 1741, triều đình đã phát chẩn cho dân đói ở Hải Dương, năm 1742 phát chẩn cho dân

Thanh Hoa: “trích lấy 15 vạn bát quan thóc, chia nhau đi phát chẩn” và năm 1754, phát chẩn thóc cho nhân dân vùng đê Bộ Đầu (Hà Nội), Vông Xuyên (Phú Thọ) do nạn vỡ đê (34). Không những thế, triều đình Lê-Trịnh ban lệnh trao quan chức cho những người nộp của để lấy tiền đó chẩn cấp cho dân. Lệnh này được thực hiện vào các năm 1713, 1721, 1736, 1741, 1773 và 1786. Ví dụ như năm 1773, chúa Trịnh Sâm đã ra lệnh: “Nên dùng chức tước để chiêu mộ lấy của người giàu thì người giàu không tiếc của, dùng tiền của để chiêu mộ lấy sức ở người nghèo, thì người nghèo không tiếc sức, của cải sức lực đều đầy đủ, mới có thể hoàn thành công việc được” (35).

Biện pháp ân xá, giảm thuế

Việc ân xá được vua Lê- chúa Trịnh thực hiện vào các năm 1664, 1705, 1720, 1741, 1754. Dù sử không chép rõ nguyên nhân vì sao triều đình ân xá, nhưng các năm này đều gắn với những năm xảy ra nạn lụt (như đã thống kê ở bảng 1).

Việc hoãn thuế của triều đình Lê - Trịnh cũng được thực hiện 71 lần/27 lần hoãn, giảm thuế vào các năm: 1663, 1679, 1695, 1707, 1728, 1748, 1749, 1776 (36). Địa phương chịu ảnh hưởng của lụt nhiều nhất là Thanh Hoa, Nghệ An và tứ trấn cũng là nơi được miễn giảm thuế nhiều hơn cả. Loại thuế chủ yếu được chúa Trịnh giảm xá cho dân là thuế đình, thuế điệu, thuế ruộng và thuế gia tô (thuế phụ thu).

Trong các lần hoãn, xá thuế cho dân, đáng chú ý là năm 1707, xét thấy tình hình dân phiêu tán quá nhiều do lụt lội, triều đình quyết định xá thuế: “người phiêu tán sẽ được xá phú thuế và lao dịch trong năm năm; người trở về mà tình cảnh nghèo khổ sẽ được miễn thuế hộ trong ba năm” (37) và hai năm liên tiếp 1748 và

1749, (đều do lụt, vỡ đê) nên triều đình đã hoãn tô ruộng tư cho Thanh Hoa, năm 1776: hoãn tiền thuế gia tô cho vùng ven biển: Sơn Nam, Hải Dương, An Quảng (do lụt, bão)” (38). Điều đáng nói là thuế đinh, thuế ruộng và thuế điệu là một trong những loại thuế khá nặng đối với nông dân ở Đàng Ngoài, vì vậy, việc hoãn, giảm thuế của chúa Trịnh trong những năm xảy ra lụt lội đã cho thấy sự quan tâm của chính quyền đối với người dân.

Hoạt động cầu đảo, tu sửa đức chính, cầu lời nói thẳng

Vua Lê và các chúa Trịnh quan niệm rằng thiên tai xảy ra là do bản thân làm gì đó trái với tự nhiên nên bị trời giáng tai họa. Do vậy, để trừ bớt tai dị, triều đình tiến hành các nghi lễ cầu đảo, cúng tế vào những năm xảy ra thiên tai. Bên cạnh đó, các chúa Trịnh còn xuống chiếu cầu lời nói thẳng, kiểm điểm, sửa đổi bản thân. Sử ít chép về các nghi lễ cầu tạnh, mà phần nhiều là các lễ cầu mưa của chúa Trịnh và sự trai giới, tu thân của nhà chúa để giảm bớt sự xa hoa trong sinh hoạt của mình.

Vào những năm 1711, 1715, 1718, 1712 và 1726, chúa Trịnh đều hạ lệnh cầu lời nói thẳng từ triều thần, sau khi nhận được các tờ khai, đa phần, chúa Trịnh đều chấp thuận (39). Ví như năm 1718, Nguyễn Mậu Áng đã dâng khai trình bày 4 việc: cấm xa xỉ; bãi bỏ việc xây dựng, sửa sang các công trình; bớt các cuộc du quan; tinh giảm những cuộc tuần hạnh. Chúa Trịnh Cương đã ưng thuận và thực hiện việc thứ nhất, còn các việc khác để sau xem xét (40).

Năm 1760, do mưa dầm kéo dài, chúa Trịnh đã dụ các quan viết thư kín, nói hết những sai sót trong chính sự, nhờ vậy mà chưa bao lâu trời tạnh. Đặc biệt, năm 1766, vì ngập lụt gây vỡ đê Kinh Bắc, nên chúa

Trịnh Doanh đã hoãn việc nhận phong tôn hiệu và dụ với bầy tôi rằng: “Mới đây trời mưa quá nhiều, làm cho dân tai hại, như thế phải chăng chính lệnh triều đình có điều gì khiếm khuyết? Ta chưa thấy các người có lời dâng điều hay, bỏ điều dở, mà chỉ vội vàng xin tiến tôn hiệu. Việc ấy bây giờ có hợp thời đâu?” (41). Năm 1767, chúa Trịnh Sâm yêu cầu các quan dâng khai nói rõ những điểm thiếu sót của triều đình. Nguyễn Bá Lân dâng tờ khai tâu rằng: “Chính sự vua chúa, thông cảm với trời. Nay vương thượng mới cầm quyền, nên chuộng điều khoan hậu [...] rộng gia ơn về việc chuộc tội, cứu vớt dân xiêu lưu, để dân khỏi đau khổ. Như thế, may ra có thể thu phục được lòng người và báo đáp được tội lỗi mà trời quả trách”. Chúa Trịnh cho là phải và đã tha thuế tô cho những nơi bị thiệt hại “từ bốn phần trở lên” (42).

Tu bổ đê, đào sông

Cũng như các vương triều trước đây (Lý, Trần, Hồ, Lê Sơ), triều đình Lê - Trịnh đã có chính sách và biện pháp quản lý đê điều cụ thể. Ở Đàng Ngoài, việc sửa đắp đê điều được quy định thành kỳ hạn. Sách *Lê triều chiếu lệnh thiện chính, Hậu lê thời sự kỷ lược, Cương mục* cho biết về quy định sửa đắp đê điều, thưởng phạt quan chức phụ trách đê và việc đắp đê hàng năm. Năm 1664, phủ Chúa ban lệnh: “Cứ tháng 10 hàng năm, ti Thừa Chính các xứ sức cho các huyện thuộc hạt đi khám đê đường, xem chỗ nào cần phải sửa đắp: nếu là công trình nhỏ, thì chiếu theo xã nào mà thế nước có thể đến được sức cho dân các xã ấy tự làm công việc sửa đắp, việc sửa đắp này là do huyện trông coi thúc giục, nếu là công trình lớn thì hạ lệnh cho quan đôn đốc. Hằng năm cứ sơ tuần tháng giêng khởi công, đến trung tuần tháng 3

Bảng 2: Thống kê về đắp đê, đào sông của triều Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII- XVIII

| TT | Thời gian | Nội dung | Địa phương | Nguồn tư liệu |
|--------------|-----------|---|------------|--|
| 1 | 1631 | Trịnh Tráng đi hộ đê Thanh Trì | Thanh Trì | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.250. |
| 2 | 1664 | Định hạn sửa đắp đê điều. Tháng 10 hàng năm đi khám đê đường xem chỗ nào cần sửa đắp. | | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.310. |
| 3 | 01-1695 | Sai trấn quan chia cấp cho các dân làm việc đắp đê | Thanh Hoa | <i>Lịch triều tạp ký</i> (1995), sdd, tr.130; <i>ĐVSKTB</i> , (2011), sdd, tr.42. |
| 4 | 1-1702 | Trích 1 vạn quan tiền chẩn cấp cho dân phu làm công việc hàn lấp khúc đê vỡ. | Thanh Hoa | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.386. |
| 5 | 8-1708 | Hạ lệnh sửa đắp đường đê sông Nhị (nay là sông Hồng); Cho quan Thừa chính và Trấn thủ đốc thúc việc đắp đê. | Sông Nhị | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.395. <i>Lịch triều tạp ký</i> (1995), tr.164. <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.63. |
| 6 | 01-1711 | Sai quan trong kinh đi đôn đốc việc đắp đê. | Không rõ | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.398. <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.63. |
| 7 | 1716 | Phủ Chúa truyền lệnh cho các quan lưu thủ, trấn thủ về việc kiểm tra khám xét đê điều. | không rõ | <i>Lịch triều tạp ký</i> (1995), sdd, tr.204. |
| 8 | 1724 | Mở đường sông ở Thanh và Nghệ | Thanh Nghệ | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.444. |
| 9 | 7-1728 | Đào sông Nghĩa Trụ (Gia Lâm) để cho thể lưu thông. | Không rõ | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.471. |
| 10 | 1730 | Xuất tiền trong kho công để làm, giao cho quan võ và nội giám chia nhau đôn đốc công việc, sửa đắp. | Không rõ | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.475. |
| 11 | 1749 | Sai tam lũy đàn lục đắp đê | | <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.216. |
| 12 | 10-1755 | Định rõ lệnh đắp đê | Không rõ | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.628. |
| 13 | 6-1760 | Sai quan ở kinh đi hộ đê | Không rõ | <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.294. |
| 14 | 6-1766 | Triều đình hạ lệnh cho quan trong kinh thành đi hộ đê. | Kinh Bắc | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.661. |
| 15 | 1773 | Trịnh Sâm hạ lệnh lấy của nhà giàu nộp vào để mộ dân đắp đê | | <i>Cương mục</i> (1998), tập II, sdd, tr.708. |
| 16 | 3-1774 | Đắp đê ven biển xứ Sơn Nam, mộ dân đến cày cấy. | Sơn Nam | <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.360. |
| 17 | 1777 | Sai các trấn đắp đê để phòng nước lụt. | Các trấn | <i>ĐVSKTB</i> (2011), sdd, tr.430. |
| Tổng: | | 17 | | |

Nguồn: *Cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, 1998; *Đại Việt sử ký tục biên*, Nxb. Văn hóa- Thông tin, 2011; *Lịch triều tạp ký*, Ngô Cao Lãng, Nxb. Khoa học xã hội, 1995.

công việc đã phải làm xong. Thể lệ này đặt làm thể lệ lâu dài” (43).

Biện pháp tu bổ đê điều được các chúa Trịnh thực hiện vào những năm 1702, 1711, 1728, 1730, là những năm xảy ra lụt lội. Năm 1711, chúa Trịnh sai quan trong kinh đi đôn đốc việc đắp đê: “hạ lệnh cho quan kinh và bọn Lê Dị Tài và Trần Công Trụ chia nhau đi đôn đốc” (44) và cho phép

các xã tùy theo số mẫu ruộng công và tư nộp tiền để thuê người sửa đắp (45). Năm 1728, có thủy tai lớn, triều đình hạ lệnh cho Hồ Phi Tích đào sông Nghĩa Trụ (Gia Lâm) để thoát nước. Tuy nhiên, trong năm này, đê Cự Linh bị vỡ, nước tràn vào Cổ Bi, nông dân bị thủy tai, không sao kể xiết sự đau khổ thì chúa Trịnh Cương lại “sai hoạn quan đốc suất quân dân sửa chữa đường

sá, để phòng bị lúc đi du ngoạn” (46). Năm 1730: “Từ năm Bảo Thái thứ 7 (1726), triều đình tự xuất tiền công trong kho để làm, và giao cho quan võ và nội giám chia nhau đôn đốc công việc sửa đắp, nhưng bọn này lại đều làm những việc: phần thì đục khoét thợ thổ đầu làm thuê, phần thì mưu toan để lấy số tiền công còn thừa lại, thành ra công việc làm không được vững bền chắc chắn” (47). Tệ nạn trong việc sửa đắp đê đã bắt đầu xuất hiện dưới thời Lê - Trịnh.

Sách *Lê Triều chiếu lệnh thiện chính* chép vào tháng 7 năm 1733, chúa Trịnh đặt ra thể lệ về sửa đường đê và thưởng phạt quan chức hộ đê: “chuẩn cho tuyên bố rõ ràng lệ bồi đắp các đường đê [...]. Hàng năm hễ thấy quan Huyện đi khám xong trình bày rõ, thì lại phải hội đồng thân hành khám do,... nếu sức dân không đủ, mới lấy thêm những xã tiếp giáp nơi ấy, rồi cứ theo tình hình thực dâng tờ khai lên”, [...]. Mặt đê và chân đê, phải để cho các quan Trấn thủ và Thừa ty, tùy theo dòng sông lớn nhỏ, và tình thế nước sông chảy xiết hay chảy chậm, lại đo lường cao thấp rộng hẹp bao nhiêu thước, bao nhiêu trượng rồi trình tờ khai lên để định đoạt [...]. Nếu quan chức nào có tư tình làm mất sự thực, hay là rắp tâm ăn tiền, không biết răn bảo nha lại, sinh sự nhiễu dân, khi xét ra được thực tình, sẽ tùy việc nhẹ nặng mà khép tội phạt, để cho công lệnh có uy tín” (48). Năm 1749, đường đê lớn bị sạt vỡ do lụt, chúa Trịnh đã sai tạm lấy dân lực đắp đê và hoãn thu thuế gia tô (49).

Theo bảng 2 có thể thấy rõ triều Lê-Trịnh đã cho đắp, hộ đê và đào sông (tổng cộng 17 lần) trong những năm xảy ra lũ, thủy tai. Số liệu trong bảng 2 đã chứng tỏ triều đình đã chú trọng xây đắp, hộ đê tập trung nhiều nhất ở khu vực Kinh thành,

các trấn và Thanh, Nghệ. Chỉ có năm 1631, đích thân chúa Trịnh đi hộ đê, còn lại các năm khác là các quan trong kinh đi đắp đê, hộ đê (4 lần: năm 1711, 1730, 1760, 1766) và các trấn tự quản lý, đắp đê (3 lần: năm 1695, 1774, 1777) và hai lần đào sông (năm 1724, 1728). Thời gian sửa đắp đê giữa các năm diễn ra khá dài, trung bình cứ 2-4 năm, có khi lâu hơn (8 năm) triều đình mới cho sửa đắp và thường là vào những năm xảy ra lụt lội.

4. Nhận xét

Như vậy, lũ lụt trong hai thế kỷ XVII-XVIII là thiên tai xuất hiện nhiều nhất, nghiêm trọng nhất ở Đàng Ngoài. Lũ lụt thường xảy ra vào các tháng mùa hè trong năm và không theo một chu kỳ nhất định. Lụt lội, bão, thủy tai gây ra thiệt hại nặng ở các địa phương là Kinh thành, tứ trấn và Thanh, Nghệ - là vùng mà triều đình Lê-Trịnh thực hiện chấn cấp, ân xá, giảm xá tô thuế nhiều hơn cả.

Lụt lội ở Đàng Ngoài đã tác động trực tiếp đến sản xuất, làm thiệt hại mùa màng, vỡ đê và dẫn đến nạn đói. Lũ lụt đã đẩy người nông dân phải rời bỏ mảnh đất của mình để xiêu tán sang nơi khác, gây nên nạn trộm cướp ở địa phương, dẫn đến phong trào nông dân khởi nghĩa ở Đàng Ngoài thế kỷ XVIII. Tất cả những điều trên đã góp phần làm suy yếu xã hội Đàng Ngoài và chính quyền Lê-Trịnh. Dù vậy, triều đình Lê-Trịnh trong một chừng mực nhất định với những chính sách xã hội, mà cụ thể nhất là chấn cấp, cứu trợ, giảm xá thuế khóa cho dân, kêu gọi bề tôi dâng khai, tu sửa bản thân đã thể hiện điểm tích cực của nhà nước quân chủ đối với xã hội, với người dân trong hai thế kỷ XVII- XVIII. Các biện pháp này đã góp phần an dân, giữ yên trật tự xã hội Đàng Ngoài. Đây cũng là

cơ sở để chính quyền Lê - Trịnh có thể tồn tại lâu dài cho đến cuối thế kỷ XVIII.

Với những biện pháp cụ thể về việc quản lý và tu sửa đê điều, khai kênh sông trong những năm xảy ra lụt lội, đã thể hiện sự quan tâm của nhà nước đối với sản xuất nông nghiệp ở Đàng Ngoài. Tuy nhiên, quá trình thực hiện tu sửa đê gặp nhiều bất cập, việc khám xét đê điều để tu sửa phải trải qua thời gian dài từ 3 tháng đến một năm, sửa đắp đê kéo dài, phiền hà. Trách nhiệm quản lý đê ở các trấn lỏng

lỏng lẻo, quan lại đục khoét tiền công sửa đê, nên khi có nạn lụt xảy ra, những tuyến đê dù đã được tu bổ cũng không thể phát huy hết hiệu quả trong việc ngăn chặn nước lụt. Do vậy, nạn lụt lội ở Đàng Ngoài chỉ được khắc phục tạm thời trong những năm đầu và giữa thế kỷ XVII, sang thế kỷ XVIII, đặc biệt giữa và cuối thế kỷ XVIII, triều đình đã buông lỏng việc quản lý đê điều, cùng với nạn cường hào phát triển ở địa phương nên việc hạn chế tác hại của lũ lụt ở Đàng Ngoài của nhà nước Lê - Trịnh đã không đạt được hiệu quả.

CHÚ THÍCH

(1). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, 1998, tr. 226, 235, 237, 248, 250, 598; *Đại Việt sử ký tục biên*, Dương Thị The dịch, Nxb. Văn hóa- Thông tin, Hà Nội, 2011, tr.241; Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, Nxb. Khoa học xã hội, 1995, tr. 189, 216.

(2), (3), (4), (14), (18), (19), (20), (21), (22), (23), (24), (25), (27), (28), (32), (33), (34), (35), (37), (41), (42), (43), (44), (45), (46), (47). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr. 237, 248, 250, 310, 317, 367-368, 372, 394, 395, 398, 403, 437, 463, 471, 472, 493, 500, 538, 555, 662, 668, 672, 708, 730.

(5), (7), (8). Ngô Cao Lãng, *Lịch triều tạp ký*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 130, 418.

(6). *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 67; *Lịch triều tạp ký*, sdd, 1995, tr.189.

(9). *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 707.

(10). *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 438, 440.

(11). Theo tác giả Nguyễn Xuân Túu, *Bước đầu tìm hiểu về biến động khí hậu ở nước ta trong lịch sử*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 6 (213), 1983,

tr.62- 63 thì từ những năm 20 của thế kỷ XVII đến những năm đầu của thế kỷ XIX, đặc biệt nửa cuối thế kỷ XVII, mùa đông rét phù hợp với tình hình chung của bán cầu Bắc trong giai đoạn này. Nguyễn Xuân Túu cũng cho rằng đến đầu thế kỷ XIX thì mùa đông ở miền Bắc lạnh thấu xương, mùa hè nóng như lò lửa, khí hậu khắc nghiệt, bão lụt liên tiếp.

Theo Richard Grove- George Adamson, *El Nino in World History*, London: Palgrave Macmillan, 2018, p.147, hiện tượng El Nino xảy ra vào các năm 1618-1620, 1660-1661, 1686-1688, 1700-1701, 1718-1720, 1723-1724, 1727-1728, 1737-1738.

(15). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sdd, tr. 475; *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 707.

(16). *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 67.

(17). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, Sdd, tr. 248, 372, 403, 463, 622; *Đại Việt sử ký tục biên*, Sdd, 2011, tr. 67: tổng cộng có 18 lần đói kém, trong đó 7 lần do lụt, còn lại 11 lần là do các yếu tố thiên tai khác như hạn hán, sâu bọ, mưa đá, nhật thực: 1608, 1681, 1694, 1703, 1712, 1757, 1759, 1768, 1776, 1778, 1786.

(29). Theo thống kê trong cuốn *Lịch sử Việt Nam*, tập IV (thế kỷ XVII- XVIII) của nhóm tác giả Trần Thị Vinh, Trương Thị Yến, Đỗ Đức Hùng, Nguyễn Thị Phương Chi, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tái bản lần thứ nhất năm 2017, thì có 14 cuộc khởi nghĩa: khởi nghĩa Lê Duy Mật (1738-1770), Nguyễn Tuyển- Nguyễn Cừ (1739-1741), Vũ Đình Dung; Tế, Bồng (1740), Toàn Cơ (1740-1752), Nguyễn Danh Phương (1740-1752), khởi nghĩa của Thoan, Thiêu ở Hưng Hóa (1740-1741), Nguyễn Hữu Cầu (1741-1751), khởi nghĩa của Trương ở Sơn Tây (1744-1752) và khởi nghĩa của Hoàng Công Chất (1739-1769). Sau các phong trào này, còn có các cuộc khởi nghĩa của Thục Toại, khởi nghĩa của Thiêm Liên (1785) ở Yên Quảng, khởi nghĩa của Dụ (Sơn Nam), Đinh Văn Tú (Bắc Giang).

(30). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sdd, tr. 531; Nguyễn Phan Quang, *Khởi nghĩa Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 6 (219), 1984, tr.61; Nguyễn Phan Quang, Hoàng Đình Chiến, *Khởi nghĩa Vũ Đình Dung*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 3 (216), 1981, tr.48-49.

(36). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sdd, tr. 347, 372, 394, 459, 463, 595, 726; *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 20, 216, 403. Theo thống kê thì nhà Lê- Trịnh đã hạ lệnh giảm thuế 27 lần. Lý do hoãn, giảm thuế là vì lụt lội, hạn hán, sâu bọ, dịch bệnh, mưa đá, nạn đói. Trong số đó, số lần mà triều đình giảm thuế cho dân (do lụt lội) là 7 lần.

(38). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, tập II, sdd, tr. 726; *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 53, 403.

(39). *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 54; *Lịch triều tạp ký*, sdd, tr. 175, 176, 203.

(40). *Đại Việt sử ký tục biên*, sdd, 2011, tr. 74.

(48). Nguyễn Sĩ Giác (dịch), *Lê triều chiếu lệnh thiện chính*, Nhà in Bình Minh, Sài Gòn, 1961, tr. 489.

(49). *Hậu Lê thời sự kỷ lược*, bản dịch của Ngô Linh Ngọc, Mai Liên, 1975, Thư viện Viện Sử học, ký hiệu Vv. 308, tr. 98. Thuế gia tô là thuế phụ, theo chú thích của tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*.